

Số: **317/2022/QĐST-HNGĐ**

Ninh Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1982
Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa
- Bị đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm: 1982
Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim D và ông Phạm Đình T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Phạm Đình T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Phạm Thị Kiều T, sinh ngày: 12/6/2007 và Phạm Thành Đ, sinh ngày: 05/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao 02 (hai) con chung tên Phạm Tấn T, sinh ngày: 03/8/2009; Phạm Thành T, sinh ngày: 14/10/2011 cho ông Phạm Đình T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà D, ông T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Bà D, ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Phạm Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà D, ông T mỗi người phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà D tự nguyện nộp án phí thay ông T. Tổng cộng bà D phải nộp 150.000đ tiền án phí nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004899 ngày 31/5/2022 của chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

Hoàn lại cho bà D 150.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND thị xã Ninh Hòa;
 - Chi cục THADS thị xã N;
 - Các đương sự;
 - UBND thị trấn N
- GCNKH số: 131 ngày 24/7/2007;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Văn Hải